TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2012 - LỚP : D12_MAR01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ												ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
1	DH71200281	Trịnh Mai Ngọc	Anh	D12_MAR01				7.17	5.84		6.15	5.38		5.33	6.29	5.40	5.96	6.35	128/145	50/55					
2	DH71200282	Nguyễn Vũ	Bằng	D12_MAR01				7.17	6.28		6.47	6.05		6.67	6.38	6.00	6.56	6.65	132/145	51/55					
3	DH71200240	Đinh Thái	Bình	D12_MAR01				7.42	6.92		6.40	6.89		7.05	7.22		7.41	7.02	135/145	52/55					
4	DH71200325	Lê Thị Mỹ	Chi	D12_MAR01				7.58	6.88		5.59	6.58		6.05	5.86		5.70	6.46	130/145	50/55					
5	DH71200326	Nguyễn Thị Mai	Chi	D12_MAR01				6.92	6.08		5.95	6.81		6.21	6.38		7.20	6.61	136/145	52/55					
6	DH71200327	Phạm Linh	Đan	D12_MAR01				7.33	7.20		6.94	7.47		7.37	7.53	10.00	7.56	7.44	136/145	52/55					
7	DH71200285	Nguyễn Thị Anh	Đào	D12_MAR01				7.50	7.00	5.00	6.00	6.37	5.00	5.67	7.06		6.73	6.70	135/145	52/55					
8	DH71200242	Tạ Tấn	Đạt	D12_MAR01				7.67	6.96		6.75	7.68		7.21	7.50		7.68	7.32	135/145	52/55					
9	DH71200243	Huỳnh Thị Ngọc	Điệp	D12_MAR01				7.92	7.92		7.00	7.89		7.68	7.78		8.08	7.78	135/145	52/55					
10	DH71200244	Nguyễn Thị Hồng	Điều	D12_MAR01				7.75	6.48		6.06	7.26	6.00	7.62	6.94		7.60	7.29	135/145	52/55					
11	DH71200288	Lưu Thanh	Hải	D12_MAR01				7.17	6.68		6.41	6.63		7.18	6.94		6.86	6.83	135/145	52/55					
12	DH71200286	Nguyễn Ngọc Thúy	Hằng	D12_MAR01				7.17	6.68	6.00	6.95	7.16		6.74	7.17		7.68	7.10	135/145	52/55					
13	DH71200289	Dương Ngọc	Hiền	D12_MAR01				6.92	5.00	5.00	5.76	5.29	5.00	6.47	6.09		6.72	6.23	123/145	48/55					
14	DH71200330	Huỳnh Gia	Huệ	D12_MAR01				7.33	7.76		6.59	7.84		6.84	6.95		7.60	7.31	138/145	53/55					
15	DH71200334	Trần Đăng	Khoa	D12_MAR01				7.92	6.72		6.82	6.87		7.00	6.79		7.20	7.08	136/145	52/55					
16	DH71200374	Nguyễn Thị Mỹ	Kim	D12_MAR01				7.50	6.76		6.24	6.89		6.00	6.44		6.96	6.72	135/145	52/55					
17	DH71200246	Nguyễn Bá	Lộc	D12_MAR01				7.08	7.92		6.88	7.05		6.84	6.32		7.24	7.10	136/145	52/55					
18	DH71200339	Hồng Quang	Minh	D12_MAR01				7.42	5.44		5.47	5.50		6.67	6.58		7.32	6.41	133/145	51/55					
19	DH71200249	Đào Thị Nhật	My	D12_MAR01				6.75	5.36		5.59	6.13	5.00	7.14	6.52		7.24	6.67	132/145	51/55					
20	DH71200250	Mai Kim	Ngân	D12_MAR01				7.08	7.28		7.12	8.32		7.68	7.72		7.72	7.59	135/145	52/55					
21	DH71200341	Nguyễn Thị Kim	Ngân	D12_MAR01				7.42	6.28	5.00	6.53	6.05		6.37	5.64		7.16	6.62	130/145	50/55					
22	DH71200300	Trần Kim	Ngân	D12_MAR01				7.92	7.92	5.00	7.31	7.42		7.74	7.83		7.55	7.69	135/145	52/55					
23	DH71200302	Tăng Phồn	Nghĩa	D12_MAR01				7.08	5.56		5.65	5.24		6.14	5.75	5.80	6.52	6.31	126/145	49/55					
24	DH71200257	Hàng Trạng	Nguyên	D12_MAR01				6.08	4.92		4.76	4.63		6.79	6.42	6.00	6.84	5.96	117/145	45/55					
25	DH71200258	Hồ Dương Quỳnh	Nguyên	D12_MAR01				7.50	6.52		6.47	6.55		7.05	7.06		7.36	6.96	135/145	52/55					
26	DH71200304	Nguyễn Thị Yến	Nhi	D12_MAR01				7.83	6.96		6.67	7.57		7.04	7.41		7.84	7.40	136/145	52/55					
27	DH71200260	Phạm Xuân Mỹ	Như	D12_MAR01				7.92	7.00		6.94	7.79		7.68	7.39		7.84	7.49	135/145	52/55					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2012 - LỚP : D12_MAR01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ													ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
28	DH71200263	Ông Bích	Phương	D12_MAR01				6.42	5.88	6.00	6.47	6.57		6.37	5.87		6.28	6.41	132/145	51/55					
29	DH71200264	Phạm Cao Minh	Phương	D12_MAR01				7.75	7.40		6.59	6.53		7.05	6.56		7.48	7.06	135/145	52/55					
30	DH71201948	Trần Thuy Nhật	Quỳnh	D12_MAR01				6.58	6.40		6.76	6.68		7.53	7.00		7.48	6.94	135/145	52/55					
31	DH71200308	Huỳnh Phan Thanh	Tâm	D12_MAR01				6.58	6.16		6.12	5.89		6.43	6.44		6.36	6.45	135/145	52/55					
32	DH71200270	Huỳnh Thị Phương	Thảo	D12_MAR01				7.08	6.16	7.00	6.29	6.55		7.21	6.47		7.12	6.78	136/145	52/55					
33	DH71200310	Phạm Thị Phương	Thảo	D12_MAR01				6.92	4.88		6.12	5.19		6.24	6.12	7.00	6.00	6.17	124/145	48/55					
34	DH71200311	Nguyễn Ngọc	Thức	D12_MAR01				7.25	6.36	6.00	6.12	5.18	0.00	5.74	5.62	2.00	6.18	6.27	129/145	50/55					
35	DH71200273	Lê Công	Toàn	D12_MAR01				8.08	7.88		6.80	7.05		7.32	7.11		7.41	7.36	136/145	52/55					
36	DH71200354	Mai Thị Ngọc	Trâm	D12_MAR01				7.75	6.68		7.47	7.95		8.05	7.50		7.75	7.56	138/145	53/55					
37	DH71200313	Nguyễn Ngọc	Trâm	D12_MAR01				8.17	7.04		7.06	7.00		7.42	7.53		7.04	7.25	136/145	52/55					
38	DH71200314	Phạm Ngọc	Trâm	D12_MAR01				8.58	7.60		7.41	7.79		7.00	7.33		7.92	7.63	135/145	52/55					
39	DH71200315	Lê Văn Thành	Trúc	D12_MAR01				7.00	6.36		7.18	6.19		6.95	6.80	9.00	7.09	6.89	137/145	53/55					
40	DH71200277	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	D12_MAR01				6.50	6.28	6.00	5.94	6.53		6.52	6.80		7.44	6.72	135/145	52/55					
41	DH71200318	Phùng Nguyễn Phương	Uyên	D12_MAR01				7.92	5.52		5.53	6.39		5.76	6.76	7.00	6.24	6.41	127/145	49/55					
42	DH71201920	Ngô Thị Như	Yến	D12_MAR01				6.25	5.52	0.00	5.94	6.89		6.38	6.96	6.00	7.48	6.79	132/145	51/55					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 19/03/2016.**

- Đối với học phí còn nợ, sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 01/04/2016. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ đình chỉ và xử lý theo quy định.

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
KoĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTH	Buộc thôi học
CB_KoĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình		

Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Minh Trúc	ThS. Lê Thị Ngọc Phượng	PGS, TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2012 - LỚP : D12_MAR02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ												ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
1	DH71200443	Lục Thị Ngọc	Anh	D12_MAR02				5.83	5.56		5.89	5.54		5.95	6.68		6.56	6.21	120/145	46/55					
2	DH71200444	Phan Như Quỳnh	Anh	D12_MAR02				7.08	6.00		5.76	7.25		6.41	6.72	6.00	7.44	6.90	135/145	52/55					
3	DH71200445	Trần Thanh	Bình	D12_MAR02				7.83	6.92		5.82	6.48		6.95	7.67		7.60	7.12	138/145	53/55					
4	DH71201905	Nguyễn Thị	Chinh	D12_MAR02				7.50	7.20		6.00	7.18		6.36	7.25	5.00	7.92	7.19	136/145	52/55					
5	DH71200448	Nguyễn Phạm Kim	Chung	D12_MAR02				7.33	7.16		6.76	7.76		6.91	6.13		6.82	7.00	132/145	51/55					
6	DH71200451	Trần Thị	Duyên	D12_MAR02				7.75	7.12		7.59	7.24		6.74	6.94		7.56	7.26	136/145	52/55					
7	DH71201854	Đào Thị Thu	Hà	D12_MAR02				8.50	7.48		7.59	7.74		7.55	7.89		7.82	7.74	136/145	52/55					
8	DH71200412	Nguyễn Thị Mai	Hoa	D12_MAR02				6.50	6.08		5.89	6.79		6.26	6.16		6.60	6.46	136/145	52/55					
9	DH71200455	Lê Đức	Huy	D12_MAR02				8.17	7.32		6.41	7.05		7.32	6.74		7.84	7.26	136/145	52/55					
10	DH71200453	Trần Thị Thanh	Hương	D12_MAR02				8.08	6.68		6.59	7.24		7.45	7.72		8.36	7.46	135/145	52/55					
11	DH71201729	Thái Thị Hồng	Khánh	D12_MAR02				7.92	6.36		6.00	6.90		6.48	6.50		6.88	6.70	135/145	52/55					
12	DH71200456	Trần Phú	Khánh	D12_MAR02				6.33	6.68	3.00	5.47	6.76		6.41	6.44	6.40	7.00	6.67	135/145	52/55					
13	DH71200414	Phan Hoàng	Kim	D12_MAR02				6.08	5.40		5.88	5.71		6.55	6.55	6.00	7.08	6.47	133/145	51/55					
14	DH71200415	Trần Công Xuân	Liên	D12_MAR02				7.33	7.44	7.00	6.53	7.79		7.53	7.84		7.60	7.51	136/145	52/55					
15	DH71200417	Trần Thị Ngọc	Loan	D12_MAR02				8.08	7.04		7.10	7.58		7.79	8.26		8.18	7.68	136/145	52/55					
16	DH71200460	Phạm Thị Trúc	Ly	D12_MAR02				7.00	6.52	8.00	6.47	6.74		6.67	6.64		7.84	6.99	135/145	52/55					
17	DH71200461	Lê Tấn	Mạnh	D12_MAR02				8.08	7.96		6.71	6.42		7.37	7.37		8.32	7.50	136/145	52/55					
18	DH71200252	Phan Hồng Bảo	Ngọc	D12_MAR02				7.83	5.96	6.00	5.59	7.09		6.86	7.26		7.43	7.07	136/145	52/55					
19	DH71200343	Trương Thị Xuân	Nhi	D12_MAR02				7.17	6.36	6.00	6.35	7.21		6.68	6.89		7.08	6.83	136/145	52/55					
20	DH71200465	Ngô Thị Diễm	Phúc	D12_MAR02				7.08	6.28		5.82	6.19		6.64	6.79		7.18	6.60	136/145	52/55					
21	DH71200346	Nguyễn Lê	Phúc	D12_MAR02				7.25	6.72		5.88	6.47		6.74	6.84	6.00	7.36	6.81	136/145	52/55					
22	DH71200463	Lê Thị Ngọc	Phương	D12_MAR02				7.17	6.40		5.95	7.16		6.74	6.79	7.00	7.12	6.84	136/145	52/55					
23	DH71200464	Nguyễn Lương Tri	Phương	D12_MAR02				6.33	7.04		5.65	5.63		3.63	4.24	6.00	7.15	5.92	116/145	45/55					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2012 - LỚP : D12_MAR02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ												ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
24	DH71200345	Lê Thị Ngọc	Phượng	D12_MAR02				6.50	6.48	6.00	6.76	7.26		7.42	7.79	5.00	7.84	7.26	136/145	52/55					
25	DH71200388	Nguyễn Thị Kim	Quyên	D12_MAR02				7.17	5.44	2.00	5.71	6.13		6.38	6.24		6.93	6.55	133/145	51/55					
26	DH71200390	Đỗ Thị Thu	Sương	D12_MAR02				5.00	5.00	0.00	5.00	6.21	6.00	5.26	7.05	2.50	7.20	6.21	124/145	47/55					
27	DH71200471	Võ Huỳnh Thị	Thạch	D12_MAR02				7.58	6.88		6.47	7.68		6.81	7.17		7.80	7.24	135/145	52/55					
28	DH71200434	Mai Thị Thanh	Thanh	D12_MAR02				8.83	7.96		7.47	8.26		7.47	8.33		8.32	8.07	135/145	52/55					
29	DH71201946	Nguyễn Kim	Thảo	D12_MAR02				8.50	7.48		7.59	7.19		7.47	7.26		7.68	7.59	133/145	51/55					
30	DH71200433	Lê Thị	Thêm	D12_MAR02				8.50	7.44		7.00	7.37		7.32	7.47		8.20	7.60	136/145	52/55					
31	DH71200351	Đỗ Nhựt	Thoại	D12_MAR02				6.08	6.04	7.00	5.06	5.65		6.24	6.08	5.00	6.69	6.29	133/145	51/55					
32	DH71201773	Hồ Đình	Thông	D12_MAR02				7.33	6.84	5.00	5.65	6.42		6.10	6.95	0.00	6.76	6.65	133/145	51/55					
33	DH71201252	Nguyễn Thị Diệu	Thủy	D12_MAR02				7.50	6.73		6.42	6.26		7.19	7.26		7.48	7.00	136/145	52/55					
34	DH71200353	Nguyễn Hoàng Thanh	Thúy	D12_MAR02				6.75	5.56	8.00	6.06	6.00		6.05	6.32		7.08	6.35	133/145	51/55					
35	DH71200349	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	D12_MAR02				7.17	6.80	5.00	6.65	6.95		7.11	7.42		7.36	7.08	136/145	52/55					
36	DH71200431	Đỗ Thị Kiều	Thương	D12_MAR02				6.58	6.76	6.00	5.94	7.14		6.42	8.00		7.74	7.07	136/145	52/55					
37	DH71200436	Hồ Thị Thủy	Tiên	D12_MAR02				7.50	6.44		6.35	6.77		7.21	7.53		7.80	7.14	136/145	52/55					
38	DH71200439	Nguyễn Thị Xuân	Trang	D12_MAR02				7.92	7.04		6.25	7.26	8.00	6.95	7.53		7.57	7.30	136/145	52/55					
39	DH71200474	Lê Huỳnh Thùy	Trâm	D12_MAR02				7.83	6.84		6.94	7.62		6.82	7.06		7.68	7.27	135/145	52/55					
40	DH71200438	Lê Ngọc Phương	Trâm	D12_MAR02				8.08	7.32		6.82	7.37		7.00	7.47		8.08	7.45	136/145	52/55					
41	DH71201728	Nguyễn Thị Thủy	Trâm	D12_MAR02				7.83	6.68		6.94	6.74		7.53	7.84		7.84	7.32	136/145	52/55					
42	DH71200357	Đỗ Nguyên Thanh	Trường	D12_MAR02				7.50	7.12	8.00	6.47	6.32		6.21	6.89	5.00	7.56	6.96	136/145	52/55					
43	DH71201857	Huỳnh Bích	Tuyền	D12_MAR02				7.33	6.40		6.42	7.11		6.68	7.47	7.00	7.44	7.08	134/145	51/55					
44	DH71200361	Nguyễn Trần Tường	Vi	D12_MAR02				7.67	7.16	6.00	6.24	7.00		6.84	7.10		7.48	7.10	138/145	53/55					
45	DH71200480	Phạm Phú	Vinh	D12_MAR02				8.17	7.20		6.29	7.71		7.79	7.95		8.44	7.66	138/145	53/55					
46	DH71201775	Lê Quang	Vũ	D12_MAR02				8.08	6.72		5.94	7.25		7.68	6.31		7.24	7.06	136/145	52/55					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2012 - LỚP : D12_MAR02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ												ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
47	DH71200481	Trần Thị Thanh	Yến	D12_MAR02				7.75	7.16		6.12	6.62		6.68	6.06		6.59	6.70	132/145	51/55					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 19/03/2016.**

- Đối với học phí còn nợ, sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 01/04/2016. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ đình chỉ và xử lý theo quy định.

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
KoĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTH	Buộc thôi học
CB_KoĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình		

Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Minh Trúc	ThS. Lê Thị Ngọc Phượng	PGS, TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_MAR01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ													ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
1	DH71300063	Lê Thúy	An	D13_MAR01							6.92	6.09	8.00	5.47	6.05	6.00	4.74	6.09	73/92	29/37					
2	DH71300097	Nguyễn Xuân Phương	Anh	D13_MAR01							7.08	7.48		7.76	7.79		7.21	7.49	90/92	35/37					
3	DH71300102	Trương Ngọc Hoàng	Anh	D13_MAR01							6.00	4.13	7.00	5.24	5.73	4.50	4.63	5.30	63/92	26/37					
4	DH71300004	Lê Ngọc	ánh	D13_MAR01							4.92	4.87	6.00	4.24	4.90	5.50	5.44	5.31	68/92	27/37					
5	DH71300011	Nguyễn Thị Hồng	Ân	D13_MAR01							6.33	4.87		5.80	5.26		4.63	5.29	76/92	30/37					
6	DH71300115	Lư Cẩm	Bình	D13_MAR01							6.58	6.00		5.94	5.79	5.60	6.53	6.22	81/92	32/37					
7	DH71300207	Nguyễn Trường	Dũ	D13_MAR01							6.00	5.00	7.00	4.47	4.45	4.50	5.06	5.29	67/92	27/37					
8	DH71300212	Ngô Trung	Dũng	D13_MAR01							5.33	5.22	0.00	4.79	4.56	0.50	1.82	4.37	52/92	22/37	CCHV_1	Nợ HP		CCHV_1	Nợ HP
9	DH71300260	Nguyễn Thị Khánh	Duyên	D13_MAR01							6.08	4.43		5.05	4.84	4.75	4.47	5.02	70/92	28/37					
10	DH71300282	Bùi Thị Thu	Hằng	D13_MAR01							6.25	5.17	7.00	5.82	5.52	6.00	6.11	5.97	81/92	32/37					
11	DH71300290	Nguyễn Thúy	Hằng	D13_MAR01							7.00	6.91		6.88	7.11		6.95	6.97	90/92	35/37					
12	DH71300367	Đặng Quốc	Hận	D13_MAR01							7.50	6.57		5.88	5.79		2.68	5.58	71/92	28/37	CCHV_1			CCHV_1	
13	DH71300456	Huỳnh Khâm	Huy	D13_MAR01							6.08	4.52	0.00	3.88	4.28		5.47	4.87	51/92	21/37					
14	DH71300506	Lương Bảo	Khang	D13_MAR01							6.58	5.13		5.47	5.16		3.47	5.04	64/92	26/37					
15	DH71300517	Cao Minh	Khoa	D13_MAR01							8.17	6.61		6.70	7.00		6.69	6.93	90/92	35/37					
16	DH71300492	Hoàng Lê	Khôi	D13_MAR01							6.00	2.78	5.00	3.40	4.90	4.00	5.05	4.92	60/92	25/37					
17	DH71300621	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	D13_MAR01							8.25	7.13		6.59	7.05		6.89	7.11	90/92	35/37					
18	DH71300679	Trần Nguyễn Xuân	Mai	D13_MAR01							6.00	6.04		6.24	6.42	5.00	5.68	6.11	81/92	32/37					
19	DH71300681	Cheng Huệ	Mẫn	D13_MAR01							7.17	7.13		7.53	7.53		7.32	7.33	90/92	35/37					
20	DH71300789	Trương Thục	Nghi	D13_MAR01							8.42	7.57		7.65	7.74		7.53	7.72	90/92	35/37					
21	DH71300771	Dương Lê Bích	Ngọc	D13_MAR01							5.92	4.78	5.00	4.94	4.67	0.00	3.21	4.71	57/92	24/37					
22	DH71300786	Vũ Huỳnh Bảo	Ngọc	D13_MAR01							5.92	5.09	9.00	4.53	4.04	0.00	2.37	4.59	53/92	22/37	CCHV_1			CCHV_1	
23	DH71300869	Phạm Yến	Nhi	D13_MAR01							7.50	6.17	8.00	4.47	4.74	5.50	5.95	5.93	73/92	29/37					
24	DH71300871	Thiệu Bảo	Nhi	D13_MAR01							6.50	5.65		6.41	6.05	6.20	6.05	6.22	87/92	34/37					
25	DH71300885	Lê Đặng Hồng	Nhung	D13_MAR01							0.25	6.26	8.50	4.78	3.81	5.00	4.96	5.26	64/92	24/37					
26	DH71300921	Trần Tấn	Phát	D13_MAR01							6.58	5.87	10.00	6.29	5.50		0.00	4.93	66/92	26/37	CCHV_1	Nợ HP	KoĐKMH	BTD_KoĐKMH+[CCHV_1]	Nợ HP
27	DH71301001	Nguyễn Hùng Minh	Quân	D13_MAR01							6.92	6.65		6.41	6.63		0.00	5.23	66/92	26/37	CCHV_1	Nợ HP	KoĐKMH	BTD_KoĐKMH+[CCHV_1]	Nợ HP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_MAR01

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ												ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
28	DH71301006	Triệu Mỹ	Quản	D13_MAR01							6.33	6.43		5.29	6.42	6.38	6.84	6.50	84/92	33/37					
29	DH71301041	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	D13_MAR01							8.58	7.96		8.06	8.21		8.00	8.12	90/92	35/37					
30	DH71301220	Huỳnh Thị Thu	Thanh	D13_MAR01							5.08	4.43	6.00	3.53	2.96		3.63	4.17	51/92	20/37					
31	DH71301227	Phạm Nguyễn Việt	Thanh	D13_MAR01							7.17	7.13		7.82	7.95		7.53	7.52	90/92	35/37					
32	DH71301174	Lê Vũ Thị Thu	Thảo	D13_MAR01							6.17	6.78		5.59	5.42	6.00	6.11	6.14	87/92	34/37					
33	DH71301183	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	D13_MAR01							6.58	6.57	9.00	6.41	5.26	3.00	6.26	6.31	81/92	32/37					
34	DH71301138	Trần Hồ Anh	Thư	D13_MAR01							6.17	4.87	9.00	5.60	4.54	0.00	4.42	5.19	59/92	24/37					
35	DH71301141	Trịnh Thái Anh	Thư	D13_MAR01							5.58	5.04	2.50	3.88	3.64	5.00	4.42	4.56	53/92	21/37					
36	DH71301411	Lê Hồ Đoan	Trinh	D13_MAR01							5.75	5.74	6.00	6.50	6.00	0.00	4.79	5.85	79/92	31/37					
37	DH71301423	Trần Ngọc Nguyên	Trinh	D13_MAR01							6.17	5.78	5.00	4.47	4.29	4.50	5.05	5.37	65/92	26/37					
38	DH71301335	Nguyễn Thị Thanh	Tú	D13_MAR01							6.83	6.09		5.76	6.18		6.79	6.37	87/92	34/37					
39	DH71301464	Lê Hoàng	Tuấn	D13_MAR01							6.83	6.52		6.88	7.16		6.89	6.84	90/92	35/37					
40	DH71200276	Trần Lê Minh	Tuấn	D13_MAR01				6.33	5.96	4.00	6.06	6.23					5.00	5.96	79/92	31/37					
41	DH71301586	Trần Hồng Thảo	Vy	D13_MAR01							6.58	6.91	0.00	6.76	5.26	7.00	6.00	6.43	82/92	32/37					
42	DH71301612	Đào Kim	Yến	D13_MAR01							6.83	6.43		7.53	7.26		6.58	6.90	90/92	35/37					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 19/03/2016.**

- Đối với học phí còn nợ, sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 01/04/2016. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ đình chỉ và xử lý theo quy định.

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
KoĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTH	Buộc thôi học
CB_KoĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình		

Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Minh Trúc	ThS. Lê Thị Ngọc Phượng	PGS, TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_MAR02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ													ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
1	DH71300062	Lâm Thái	An	D13_MAR02							6.42	5.61		5.71	6.16	6.60	5.63	6.03	81/92	32/37					
2	DH71300160	Ngô Huệ	Châu	D13_MAR02							6.33	5.87		6.65	7.14	9.00	7.48	6.99	90/92	35/37					
3	DH71300254	Huỳnh Thị Phương	Duyên	D13_MAR02							6.33	6.22		7.00	6.53	8.00	6.21	6.53	87/92	34/37					
4	DH71300261	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	D13_MAR02							5.92	6.35	6.00	7.18	7.32		7.37	6.93	87/92	34/37					
5	DH71300025	Bùi Mai Trang	Đài	D13_MAR02							5.08	4.83	7.00	5.80	5.37	2.60	5.79	5.57	79/92	31/37					
6	DH71300333	Âu Huỳnh Kiến	Hào	D13_MAR02							6.67	5.65		4.88	5.33	5.80	6.64	6.13	81/92	32/37					
7	DH71300283	Lương Minh	Hằng	D13_MAR02							7.25	6.00		6.41	6.21	9.00	6.74	6.56	84/92	33/37					
8	DH71300289	Nguyễn Ngọc Diễm	Hằng	D13_MAR02							7.92	7.09		7.12	7.89		7.68	7.50	90/92	35/37					
9	DH71300302	Dương Đài Các	Hân	D13_MAR02							5.42	2.83		2.82	2.05	2.50	3.95	3.48	37/92	15/37	CB_BTH_1			CB_BTH_1	
10	DH71300442	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	D13_MAR02							6.33	6.39		6.71	6.84		6.58	6.58	90/92	35/37					
11	DH71300360	Võ Đông	Hồ	D13_MAR02							7.17	5.43	7.00	6.82	6.11	3.00	7.13	6.47	76/92	30/37					
12	DH71300451	Đặng Nhật	Huy	D13_MAR02							5.75	5.65		6.00	5.77		6.21	5.93	79/92	31/37					
13	DH71300468	Nguyễn Trần Gia	Huy	D13_MAR02							6.33	6.04	6.00	6.18	7.00	5.20	4.11	6.11	75/92	30/37					
14	DH71300472	Từ Đức	Huy	D13_MAR02							6.92	6.70		6.94	7.42		6.16	6.81	90/92	35/37					
15	DH71300526	Nguyễn Tấn	Khoa	D13_MAR02							6.50	4.52	6.00	3.86	5.29	6.40	4.63	5.29	65/92	26/37					
16	DH71300608	Lâm Ngọc	Linh	D13_MAR02							6.08	6.00	8.00	5.65	5.68	3.00	5.58	5.88	78/92	31/37					
17	DH71300614	Lý Bảo	Linh	D13_MAR02							5.92	5.61	6.00	5.00	5.79	5.00	4.89	5.68	66/92	27/37					
18	DH71300622	Nguyễn Thị Thủy	Linh	D13_MAR02							6.67	5.52		6.06	5.81		6.11	6.10	87/92	34/37					
19	DH71300672	Đào Lý Huỳnh	Mai	D13_MAR02							6.25	5.61		5.00	5.47	7.40	6.32	5.89	76/92	30/37					
20	DH71300721	Chiêm Gia	Mỹ	D13_MAR02							6.58	6.74		6.59	7.37		6.58	6.79	90/92	35/37					
21	DH71300747	Mai Thanh Hoàng	Ngân	D13_MAR02							5.83	5.17	6.00	4.59	5.21	4.38	4.84	5.32	70/92	28/37					
22	DH71300756	Phạm Thị Tuyết	Ngân	D13_MAR02							5.42	6.04	8.00	5.88	6.68	4.80	7.05	6.46	84/92	33/37					
23	DH71300779	Nguyễn Thị Khánh	Ngọc	D13_MAR02							6.58	5.35		4.41	6.14	5.50	6.21	5.99	78/92	31/37					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_MAR02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ													ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
24	DH71300802	Dương Huỳnh Trúc	Nguyên	D13_MAR02							7.58	6.57		5.65	5.81		7.09	6.64	85/92	33/37					
25	DH71300815	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	D13_MAR02							7.08	5.65	8.00	5.47	6.16	5.50	5.53	6.08	76/92	30/37					
26	DH71300844	Nguyễn Thị	Nhàn	D13_MAR02							4.92	4.65	7.00	5.18	5.86	4.60	5.95	5.56	76/92	30/37					
27	DH71300866	Nguyễn Thị ý	Nhi	D13_MAR02							6.00	4.70		4.94	5.21	4.00	5.63	5.44	73/92	29/37					
28	DH71300916	Nguyễn Văn	Phát	D13_MAR02							7.25	6.30		6.24	5.95	5.00	4.74	6.11	78/92	31/37					
29	DH71300939	Thân Hồ Minh	Phương	D13_MAR02							6.92	6.43		7.24	7.53	10.00	8.16	7.38	90/92	35/37					
30	DH71300945	Vũ Tuyết	Phương	D13_MAR02							6.25	5.26	7.00	5.29	5.13	3.00	5.05	5.56	75/92	30/37					
31	DH71301034	Nguyễn Thanh	Quí	D13_MAR02							5.67	3.96	7.00	4.47	5.39	5.00	4.53	4.97	65/92	26/37					
32	DH71301038	Cao Thị Ngọc	Quyên	D13_MAR02							6.67	5.91		6.29	6.89	10.00	7.21	6.70	90/92	35/37					
33	DH71301043	Nguyễn Thị Thoại	Quyên	D13_MAR02							6.33	5.35		5.65	4.90	5.40	5.50	5.62	74/92	29/37					
34	DH71301075	Nguyễn Tấn	Sang	D13_MAR02							6.08	4.87		5.18	4.21	4.50	4.81	5.10	69/92	28/37					
35	DH71301224	Nguyễn Hoàng Vân	Thanh	D13_MAR02							6.00	5.39	5.00	5.59	5.23	5.40	5.79	5.80	87/92	34/37					
36	DH71301171	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	D13_MAR02							6.92	6.22	9.00	5.82	6.18	7.00	7.16	6.74	90/92	35/37					
37	DH71301175	Nguyễn Đoàn Mộng	Thảo	D13_MAR02							7.42	7.00		6.88	7.00		5.21	6.72	81/92	32/37					
38	DH71301176	Nguyễn Hồng Phương	Thảo	D13_MAR02							6.33	5.91		5.59	6.32	3.20	6.21	6.12	87/92	34/37					
39	DH71301187	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D13_MAR02							5.75	5.26	6.00	5.47	5.33	5.00	5.79	5.64	81/92	32/37					
40	DH71301209	Nguyễn Phương	Thắng	D13_MAR02							6.33	4.43	0.00	3.18	2.38		4.84	4.16	51/92	20/37					
41	DH71301284	Lê Ngọc Phương	Thy	D13_MAR02							6.58	5.78	7.00	5.71	6.37	4.20	6.26	6.32	81/92	32/37					
42	DH71301399	Trần Thị	Trang	D13_MAR02							5.25	5.17	0.00	5.41	6.00	4.75	6.11	5.70	79/92	31/37					
43	DH71301360	Trần Thị Phương	Trâm	D13_MAR02							6.33	5.65	8.00	5.29	4.95	4.00	5.32	5.60	75/92	30/37					
44	DH71301366	Lê Thị Huỳnh	Trân	D13_MAR02							6.92	5.61		4.47	4.84	3.88	5.68	5.58	78/92	31/37					
45	DH71301371	Trần Ngọc Bảo	Trân	D13_MAR02							5.67	5.39	6.00	5.24	5.26	3.00	5.26	5.43	70/92	28/37					
46	DH71301436	Nguyễn Thị Phương	Trúc	D13_MAR02							5.83	5.13		6.24	6.11	5.60	6.21	6.03	81/92	32/37					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_MAR02

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ												ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
47	DH71301438	Võ Trang Thanh	Trúc	D13_MAR02							5.67	5.09	5.00	5.71	5.50		5.00	5.56	70/92	28/37					
48	DH71301326	Đoàn Cẩm	Tú	D13_MAR02							5.92	5.87	5.00	5.94	6.89	7.20	6.26	6.39	87/92	34/37					
49	DH71301299	Nguyễn Thanh	Tùng	D13_MAR02							6.83	5.04	6.00	5.64	5.74		5.23	5.73	79/92	31/37					
50	DH71301495	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	D13_MAR02							7.25	5.87		6.18	6.47	7.20	7.26	6.71	84/92	33/37					
51	DH71301581	Lê Phạm Thanh	Vy	D13_MAR02							7.25	6.65		6.88	6.21	9.00	7.05	6.88	90/92	35/37					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 19/03/2016.**

- Đối với học phí còn nợ, sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 01/04/2016. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ đình chỉ và xử lý theo quy định.

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
KoĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTH	Buộc thôi học
CB_KoĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình		

Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Minh Trúc

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

ThS. Lê Thị Ngọc Phượng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

★ PGS, TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_MAR03

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ													ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
1	DH71300075	Đào Thị Trâm	Anh	D13_MAR03							6.50	6.04	7.00	5.59	6.25	3.00	7.16	6.49	87/92	34/37					
2	DH71300080	Hồ Thị Trâm	Anh	D13_MAR03							5.67	4.61	5.00	4.59	4.95	5.13	4.79	5.22	66/92	26/37					
3	DH71300094	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	D13_MAR03							5.75	4.65	2.00	4.12	3.46	5.38	6.58	5.32	75/92	29/37					
4	DH71300103	Trần Ngọc Trâm	Anh	D13_MAR03							6.83	5.74		5.59	5.58	4.00	5.95	5.90	76/92	30/37					
5	DH71300144	Trương Thị Ngọc	Bích	D13_MAR03							6.58	5.70	4.00	5.29	5.88	4.60	6.37	6.17	79/92	31/37					
6	DH71300162	Nguyễn Trần Minh	Châu	D13_MAR03							6.58	4.17		2.88	3.38	0.00	0.47	3.33	31/92	13/37	CCHV_3			CCHV_3	
7	DH71300205	Nguyễn Xuân	Diệu	D13_MAR03							6.33	5.96		5.76	6.26	5.00	6.58	6.20	87/92	34/37					
8	DH71300224	Lê Thị Ngọc	Dung	D13_MAR03							7.25	7.13		6.47	7.37		6.68	6.98	90/92	35/37					
9	DH71300458	Lê Đức	Huy	D13_MAR03							7.08	5.61		5.12	4.86	2.00	4.63	5.41	67/92	27/37					
10	DH71300484	Trần Thị Ngọc	Huyền	D13_MAR03							7.08	7.04		6.76	7.26		6.95	7.02	90/92	35/37					
11	DH71300503	Hà Thế	Khang	D13_MAR03							7.17	7.26		6.94	6.00		6.68	6.80	87/92	34/37					
12	DH71300514	Nguyễn Thị Kiều	Khanh	D13_MAR03							5.83	5.43		5.24	5.32	5.50	6.42	5.77	81/92	32/37					
13	DH71300491	Võ Quốc	Khánh	D13_MAR03							6.42	6.22	6.00	5.00	6.32	6.80	6.63	6.42	84/92	33/37					
14	DH71300572	Nguyễn Hà Danh	Lam	D13_MAR03							6.67	5.61		5.94	5.83		6.21	6.09	87/92	34/37					
15	DH71300596	Trần Phương	Liên	D13_MAR03							7.00	6.61		6.41	6.68		7.00	6.72	87/92	34/37					
16	DH71300733	Tô Nguyễn Uyển	My	D13_MAR03							6.50	4.96		4.29	4.90	3.50	5.21	5.24	73/92	29/37					
17	DH71300787	Huỳnh Ngọc Đông	Nghi	D13_MAR03							5.58	5.17		4.40	3.62	3.50	4.89	4.82	60/92	23/37					
18	DH71300780	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	D13_MAR03							6.67	6.83		6.12	7.53	8.00	6.71	6.99	90/92	35/37					
19	DH71300804	Lê Thị Thảo	Nguyên	D13_MAR03							5.67	5.52	7.00	4.82	5.41	5.50	5.36	5.71	78/92	31/37					
20	DH71300811	Trần Thanh Thảo	Nguyên	D13_MAR03							6.67	5.91	7.00	5.41	5.96	7.00	6.37	6.34	87/92	34/37					
21	DH71300843	Nguyễn Thanh	Nhàn	D13_MAR03							6.33	5.65		6.65	6.57		6.79	6.37	90/92	35/37					
22	DH71300862	Ngô Thị Huỳnh	Nhi	D13_MAR03							6.75	6.39		6.00	6.58	4.00	6.63	6.46	87/92	34/37					
23	DH71300948	Nguyễn Văn	Phi	D13_MAR03							7.00	6.70		6.71	5.63		4.89	6.13	82/92	32/37					

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_MAR03

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ													ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
24	DH71300926	Huỳnh Tú	Phương	D13_MAR03							6.08	5.13	7.00	5.12	5.58	4.50	6.53	6.00	82/92	32/37					
25	DH71300942	Võ Hoàng	Phương	D13_MAR03							6.00	7.13		7.47	7.13		7.95	7.69	90/92	35/37					
26	DH71300943	Võ Thanh	Phương	D13_MAR03							5.33	4.91	6.00	5.00	5.00	3.00	5.36	5.43	79/92	31/37					
27	DH71301040	Nguyễn Thị Kim	Quyên	D13_MAR03							7.33	6.61		6.94	7.53		7.42	7.13	90/92	35/37					
28	DH71301188	Nguyễn Thị Thu	Thảo	D13_MAR03							6.08	5.30	0.00	5.05	5.52	4.50	5.82	5.79	78/92	31/37					
29	DH71301273	Nguyễn Cẩm	Thu	D13_MAR03							5.67	5.22	5.00	5.06	5.32	4.50	6.42	5.64	78/92	31/37					
30	DH71301274	Huỳnh Trung	Thuận	D13_MAR03							7.75	7.48	8.00	6.53	7.21		7.37	7.37	90/92	35/37					
31	DH71301341	Bùi Phạm Minh	Toàn	D13_MAR03							7.17	6.35	7.00	5.71	7.79	6.80	7.11	7.02	90/92	35/37					
32	DH71301364	Lê Hồng Bảo	Trân	D13_MAR03							6.75	5.61		4.94	5.52	3.50	5.68	5.78	70/92	28/37					
33	DH71301419	Phạm Ngọc	Trinh	D13_MAR03							6.25	4.83		6.88	6.42		6.63	6.12	81/92	32/37					
34	DH71301430	Nguyễn Thị Minh	Trứ	D13_MAR03							6.00	6.09		6.59	6.89		6.95	6.52	87/92	34/37					
35	DH71301527	Nguyễn Phương	Vân	D13_MAR03							5.83	5.30	5.00	5.00	5.32	4.60	5.09	5.49	73/92	29/37					
36	DH71301613	Giang Kim	Yến	D13_MAR03							7.83	6.35		7.12	6.79		6.79	6.88	87/92	34/37					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 19/03/2016.**

- Đối với học phí còn nợ, sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 01/04/2016. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ đình chỉ và xử lý theo quy định.

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
KoĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTH	Buộc thôi học
CB_KoĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình		

Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Minh Trúc

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

ThS. Lê Thị Ngọc Phượng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PGS, TS. Cao Hào Thi

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_MAR04

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ													ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTĐT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTĐT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
1	DH71300066	Nguyễn Hoài	An	D13_MAR04							7.17	5.96		4.88	2.26		0.00	3.88	41/92	17/37	CCHV_2	Nợ HP	KoĐKMH	BTD_KoĐKMH+[CCHV_2]	Nợ HP
2	DH71300183	Nguyễn Văn	Chí	D13_MAR04							6.00	5.04	0.00	4.35	4.62	5.00	4.96	5.23	69/92	26/37					
3	DH71300223	Đỗ Thị Hoàng	Dung	D13_MAR04							6.50	5.52	5.00	3.94	5.47	4.50	5.57	5.62	73/92	29/37					
4	DH71300247	Trương Cảnh	Duy	D13_MAR04							6.92	6.74	8.00	5.94	6.21	7.00	6.89	6.76	87/92	34/37					
5	DH71300033	Ngô Quốc	Đạt	D13_MAR04							6.33	6.09		4.41	5.05	0.00	3.81	5.23	62/92	25/37					
6	DH71300276	Hứa Tuyết	Giao	D13_MAR04							7.33	7.04	8.00	6.12	6.53		6.57	6.84	90/92	35/37					
7	DH71300320	Cao Nhật Phương	Hà	D13_MAR04							6.25	5.70		5.29	6.32	6.00	6.16	5.99	76/92	30/37					
8	DH71300336	Trương Chấn	Hào	D13_MAR04							7.00	6.35		4.76	5.32	5.50	6.47	6.11	76/92	30/37					
9	DH71300294	Nguyễn Thị Thu	Hằng	D13_MAR04							6.33	5.87		5.83	6.32	5.00	6.62	6.29	82/92	32/37					
10	DH71300300	Vũ Thị	Hằng	D13_MAR04							6.50	6.22		5.47	6.05	7.00	6.74	6.36	87/92	34/37					
11	DH71300479	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	D13_MAR04							5.92	6.78	8.00	5.94	6.50	8.00	7.05	6.92	90/92	35/37					
12	DH71300554	Nguyễn Thị Linh	Lăng	D13_MAR04							7.08	7.70	8.00	7.29	7.05		6.63	7.27	90/92	35/37					
13	DH71300606	Huỳnh Thái Diệu	Linh	D13_MAR04							7.17	6.22		7.00	7.05		7.16	6.87	90/92	35/37					
14	DH71300607	Khổng Thị Mỹ	Linh	D13_MAR04							7.58	7.91		6.71	7.37		7.26	7.39	90/92	35/37					
15	DH71300673	Đặng Huỳnh Tố	Mai	D13_MAR04							8.25	8.09		6.82	6.53		7.74	7.47	90/92	35/37					
16	DH71300835	Phan Vũ	Nhân	D13_MAR04							7.33	6.39		5.47	5.05		5.74	5.99	79/92	31/37					
17	DH71300820	Nghiêm Xuân Quỳnh	Như	D13_MAR04							6.67	6.17		4.29	4.86	5.00	5.13	5.66	74/92	29/37					
18	DH71300967	Đinh Thị Hồng	Phúc	D13_MAR04							5.92	5.83		4.26	4.68	4.60	5.71	5.62	75/92	30/37					
19	DH71300940	Trần Thị Thu	Phương	D13_MAR04							7.25	6.96		6.29	6.63		7.21	6.86	90/92	35/37					
20	DH71301048	Trần Hoàng Quyên	Quyên	D13_MAR04							7.25	5.78		5.29	5.11	2.00	6.47	5.89	70/92	28/37					
21	DH71301022	Bùi Vũ Thu	Quỳnh	D13_MAR04							7.83	8.13		7.65	7.68		8.68	8.02	90/92	35/37					
22	DH71301026	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	D13_MAR04							6.92	5.35		4.41	4.63	2.50	4.64	5.10	64/92	26/37					
23	DH71301081	Trương Văn	Sang	D13_MAR04							7.83	6.91		6.18	6.53	8.00	6.95	6.96	87/92	34/37					
24	DH71301055	Phòng Bắc	Sáng	D13_MAR04							6.25	5.13		4.59	4.08		4.89	5.02	69/92	27/37					
25	DH71301068	Võ Thị Thảo	Sương	D13_MAR04							6.67	6.87		5.82	6.71	6.00	6.90	6.81	90/92	35/37					
26	DH71301172	Lê Thị Phương	Thảo	D13_MAR04							6.67	6.00		5.12	5.73	6.00	6.43	6.13	84/92	33/37					

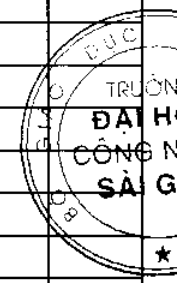

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

BẬC ĐẠI HỌC - KHÓA 2013 - LỚP : D13_MAR04

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ													ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY/ SỐ TÍN CHỈ CTDT THỰC HIỆN	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY/ SỐ MÔN HỌC CTDT THỰC HIỆN	KẾT QUẢ XỬ LÝ CUỐI HỌC KỲ 1 (2015 - 2016)			KẾT QUẢ XỬ LÝ TÍCH LŨY CHUNG	
					111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151				HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	ĐKMH VÀ HỌC TẬP	HỌC PHÍ
27	DH71301178	Nguyễn Ngọc Thạch	Thảo	D13_MAR04							5.67	5.57		4.94	5.32	3.00	0.00	4.23	52/92	20/37	CCHV_1	Nợ HP	KoĐKMH	BTD_KoĐKMH+[CCHV_1]	Nợ HP
28	DH71301182	Nguyễn Thị	Thảo	D13_MAR04							6.83	6.26		6.00	6.24	5.00	6.63	6.44	87/92	34/37					
29	DH71301184	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	D13_MAR04							6.58	7.00		5.82	6.00	8.00	6.63	6.57	84/92	33/37					
30	DH71301256	Trương Thị Thanh	Thúy	D13_MAR04							6.67	7.04		6.82	6.95		7.16	6.96	87/92	34/37					
31	DH71301286	Phan Thị Anh	Thy	D13_MAR04							7.42	7.30	4.00	5.41	6.68	5.00	6.25	6.79	87/92	34/37					
32	DH71301291	Phạm Thị Thủy	Tiên	D13_MAR04							7.75	6.65		5.82	6.57	6.00	6.74	6.80	87/92	34/37					
33	DH71301387	Nguyễn Thùy Ngọc	Trang	D13_MAR04							6.67	6.35		4.82	6.19	5.50	6.29	6.27	84/92	33/37					
34	DH71301370	Phạm Ngọc	Trân	D13_MAR04							6.42	6.00	6.00	5.59	5.84	3.00	6.19	6.08	78/92	31/37					
35	DH71301489	Cao Thị Linh	Tuyền	D13_MAR04							7.17	7.04		5.94	6.68	8.00	7.89	7.09	87/92	34/37					
36	DH71301487	Đoàn Thạch	Tuyền	D13_MAR04							5.00	5.09		3.40	3.37		3.62	4.20	50/92	20/37					
37	DH71301497	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	D13_MAR04							6.75	6.04		5.88	6.29	5.00	6.74	6.39	87/92	34/37					
38	DH71300906	Nguyễn Như	út	D13_MAR04							7.17	6.26		5.82	5.74		6.19	6.22	84/92	33/37					
39	DH71301585	Nguyễn Thị Thúy	Vy	D13_MAR04							6.50	6.48		6.47	6.53		6.47	6.49	89/92	34/37					
40	DH71301587	Trần Tường	Vy	D13_MAR04							6.58	6.52		6.47	6.19		6.47	6.49	85/92	33/37					
41	DH71301615	Lê Thị Hải	Yến	D13_MAR04							6.25	5.91	6.00	3.65	5.26	5.50	6.31	6.00	81/92	32/37					

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 19/03/2016.**

- Đối với học phí còn nợ, sinh viên phải đóng học phí còn nợ trước Thứ Sáu, ngày 01/04/2016. Nếu quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ đình chỉ và xử lý theo quy định.

Qui ước :

Nợ HP	Nợ học phí	CB_BTH	Cảnh báo buộc thôi học
KoĐKMH	Không đăng ký môn học	BTD_KoĐKMH	Buộc tạm dừng 1 học kỳ do không ĐKMH
CCHV	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập	BTH	Buộc thôi học
CB_KoĐKMH	Cảnh báo phải đăng ký môn học được mở trong học kỳ để hoàn tất chương trình		

Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2016

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Thị Minh Trúc

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

ThS. Lê Thị Ngọc Phượng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

PGS. TS. Cao Hào Thi